TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148 /2022/HNGĐ-ST
Ngày11-8-2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Lộc Thị Kim Thơm
2. Bà Hà Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11/7/2022 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/7/2022, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh **Phan Văn G,** sinh năm 1969. (có mặt)
Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.
2.Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1974. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Phan Văn G trình bầy: Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh lấy nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1993 tại UBND xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, hiện giấy chứng nhận kết hôn chị H đang giữ, anh và chị H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau bình thương.phát sinh mâu thuẫn đã được 10 năm nay, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng sống không hợp nhau nên đã sống ly thân từ tháng 6/2021, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Phan Thị Yến, sinh ngày 23/7/1994. Cháu Yến đã trưởng thành có khả năng lao động nên anh không đề nghị giải quyết nuôi con. Tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về vay nợ: Vợ chồng anh không vay nợ ai, không đề nghị giải quyết.

*Tại biên biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị H trình bầy: Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phan Văn G vào năm 1993, đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn, giấy kết hôn chị đang lưu giữ, khi chị với anh G lấy nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012, nguyên nhân mâu thuẫn do anh G chơi bời, cờ bạc, gái gú về đánh đập chị rất vũ phu, hành hạ chị về thể xác lẫn tinh thần, cuộc sống chung vợ chồng chị ngột ngạt, anh G đi ngoại tình có con riêng, vợ chồng chị sống ly thân 10 năm ở cùng nhà nhưng không sinh hoạt chung, đến năm 2021 chị ở riêng ly thân không chung sống với anh G, chị sống một mình tại Thôn L, xã M, hiện nay chị không còn tình cảm với anh G nhưng chị không nhất trí ly hôn do con chị chưa lập gia đình. Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Phan Thị Yến, sinh ngày 23/7/1994. Cháu Yến đã trưởng thành và làm công ty tại Hà Nội nên chị không đề nghị giải quyết nuôi con. Tài sản chung: Vợ chồng chị đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về vay nợ: Vợ chồng chị không vay nợ ai, không đề nghị giải quyết.

Qua xác minh tại địa phương cho biết anh chị lấy nhau có kết hôn, được gia đình tổ chức lễ cưới, chị H tạm trú tại thôn Lũng sinh sống một mình nên mâu thuẫn địa phương không nắm được, anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung chị H và anh G có một con chung là Phan Thị Yến, sinh năm 1994 đã trưởng thành và sinh sống tại Hà Nội, về tài sản chung tại thôn Lũng có một nhà xây hiện tại chị H đang ở, còn tài sản và nợ chung của chị H và anh G cụ thể tài sản phân chia, nợ chung như thế nào địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa anh Phan Văn G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị Nguyễn Thị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phan Văn G. Xử cho anh Phan Văn G được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Anh Phan Văn G phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Văn G và chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn Lũng và Thôn M, xã M, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Anh G có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị H. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các điều 28, 35 và điều 39 của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cho các bên đương sự nhưng anh G vắng mặt, anh G có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn G và chị Nguyễn Thị H lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/9/1993 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, anh chị đều công nhận vợ chồng lấy nhau có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau đã phát sinh mâu thuẫn, anh chị đều xác nhận vợ chồng đã ly thân, không còn tình cảm, anh G đề nghị ly hôn chị H không nhất trí lý do con chị chưa lập gia đình.

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn G, xử cho anh Phan Văn G được ly hôn chị Nguyễn Thị H là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh G và chị H xác nhận có một con chung là Phan Thị Yến, sinh ngày 23/7/1994, con chung của anh chị đã trưởng thành, anh chị không đề nghị giải quyết về nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

[6] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn G.

Xử: 1.Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phan Văn G được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Văn G phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004131, ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Anh G đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Phan Văn G được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- UBND xã Mỹ Bằng (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Thị Kim Thơm – Hà Thị Vinh **Nguyễn Thị Thu Hà**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- UBND xã Mỹ Bằng (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ninh – Hà Thị Vinh **Nguyễn Thị Thu Hà**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- UBND xã Nhữ Khê (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Phạm Văn Ninh - Đặng Thị H

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- UBND xã Mỹ Bằng (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễ Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Phạm Văn Ninh - Đặng Thị H	**Nguyễn Thị Thu Hà**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- UBND xã Đạo Viện (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Văn Ninh - Đặng Thị H	**Nguyễn Thị Thu Hà**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)*
- *Chi cục THADS huyện Yên Sơn;(nt)*
- *Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;*
- *Viện kiểm sát ND huyện YS;*
- *UBND xã Phú Lâm (nơi ĐKKH);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Quang Thắng - Đặng Thị H	**Nguyễn Thị Thu Hà**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)*
- *Chi cục THADS huyện Yên Sơn;(nt)*
- *Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;*
- *Viện kiểm sát ND huyện YS;*
- *UBND xã Phú Lâm (nơi ĐKKH);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)*
- *Chi cục THADS huyện Yên Sơn;(nt)*
- *Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;*
- *Viện kiểm sát ND huyện YS;*
- *UBND xã Kim Phú;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đặng Thị H - Hoàng Đức Cảnh	**Nguyễn Thị Thu Hà**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)*
- *Chi cục THADS huyện Yên Sơn;(nt)*
- *Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;*
- *Viện kiểm sát ND huyện YS;*
- *UBND thị trấn Tân Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đặng Thị H - Hoàng Đức Cảnh	**Nguyễn Thị Thu Hà**